

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày 08 - 8 - 2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
tranh chấp hợp đồng góp hội và tranh
chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Tạ Dương Thắng

Bà Châu Thị Chúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Cẩm Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 và ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2021/TLST-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hội và tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-DS ngày 16 ngày 5 tháng 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 19xx (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp KM, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ liên lạc tại: ấp CT, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Bà Bùi Mỹ Loan (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số A1 ấp CT, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ tạm trú: Số C2 ấp HL, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đào Văn Ph, sinh năm 19xx (có mặt)

Địa chỉ: ấp CT, xã A1, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

2. Bà Trần Thị Mỹ L (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X1, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

3. Ông Trần Văn C (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X1, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

4. Bà Nguyễn Thị Ch (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X1, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

5. Bà Nguyễn Thị Thu C (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

6. Ông Nguyễn Vũ Ph (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A1, xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

7. Ông Trần Thanh G (vắng mặt)

Địa chỉ: xã MH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

8. Ông Trần Văn U (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp XG, xã M1, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

9. Bà Hồ Thị N (vắng mặt)

Địa chỉ: Số T1 ấp TL, xã T2, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

10. Bà Triệu Thị M (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp CT, xã A1, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng

11. Bà Thạch Thị Pha L (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A1 ấp BC, xã PM, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

12. Bà Nguyễn Thị Mỹ Th (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A1 ấp BC, xã PM, huyện MY, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2021 của nguyên đơn là bà Trầm Thị Thu H và tại phiên tòa nguyên đơn H điều trình bày:

Trước đây bị đơn là bà Bùi Mỹ L đến nhà nguyên đơn là bà Trầm Thị Thu H để xin vô hui. Thấy bà L cũng làm ăn, có ruộng rẫy, cũng là con cháu bên chồng của nguyên đơn và bị đơn L đang ở cùng nhà cha mẹ ruột là ông Bùi Văn Q tại nhà số A1 ấp A2, xã A3, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng sinh sống và làm ăn

chung, trồng rau và làm ruộng. Bị đơn thường nói hốt hui về để làm vốn, mua lúa giống, phân, thuốc ... và mua năm chỉ vàng để mang đi đám cưới cho V (em ruột L) và bà L có mua một miếng đất ruộng diện tích là 6.875m² cho con gái tên Nh, sinh năm 199X đứng tên và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/6/2020. Do tin tưởng nên nguyên đơn cho hốt hui mua lúa giống và làm vốn cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Hui tràn mở ngày 25/4/2020 (âm lịch) và kết thúc chân hui này vào ngày 15/7/2020 (âm lịch) (tức là 80 ngày), có 12 hui viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày. Tức là người hốt hui là 8.000 đồng/chân còn khi đóng lại là 10.000 đồng/chân, nguyên đơn được lời 2.000 đồng/chân. Cụ thể bà L đã hốt được số tiền là: 8.000 đồng/chân x 80 ngày = 640.000 đồng. Trong đó bà L tham gia 30 chân x 640.000 đồng = 19.200.000 đồng. Nhưng trong số tiền 19.200.000 đồng trừ tiền đầu thảo (hay còn gọi là tiền cò) là 10.000 đồng/1 chân trong đó bà L tham 30 chân x 10.000 đồng = 300.000 đồng. Trong đó tiền này bà L thực lãnh là 18.900.000 đồng.

Khi hốt hui xong bà L phải đóng cho nguyên đơn 01 ngày 300.000 đồng, đóng liên tục trong 80 ngày. Tức là 300.000 đồng/ngày x 80 ngày = 24.000.000 đồng. Sau khi hốt hui tức là ngày 26/4/2020 (âm lịch) bà L đã đóng cho bà H liên tiếp được 15 ngày tức là đến ngày 10/5/2020 (âm lịch), được số tiền là 4.500.000 đồng. Kể từ đó đến nay bà L không đóng được khoản tiền nào cho nguyên đơn. Đối với chân hui này hiện tại bà L còn nợ nguyên đơn số tiền là 19.500.000 đồng.

Lần thứ 2: Hui tràn mở ngày 06/5/2020 (âm lịch) và kết thúc chân hui này vào ngày 15/7/2020 (âm lịch), có 12 hui viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày. Chân hui này bà L tham gia 40 chân hui, ngay ngày đầu tiên bà L đã hốt hui là 8.000 đồng/chân còn khi đóng hui chết là 10.000 đồng/chân, bà H được lời 2.000 đồng/chân. Cụ thể bà L đã hốt được số tiền là: 8.000 đồng/chân x 80 ngày = 640.000 đồng. Trong đó bà Loan tham gia 40 chân x 640.000 đồng = 25.600.000 đồng. Nhưng trong số tiền 25.600.000 đồng phải trừ tiền đầu thảo là 10.000 đồng/1chân, trong đó bà L tham gia 40 chân x 10.000 đồng = 400.000 đồng, bà L thực lãnh là 25.200.000 đồng. Hốt hui xong bà L phải đóng cho bà H một ngày 400.000 đồng, đóng liên tục trong 80 ngày. Tức là 400.000 đồng/ngày x 80 ngày = 32.000.000 đồng.

Sau khi hốt hui bà L đã đóng cho bà H liên tiếp được 10 ngày tức là đến ngày 16/5/2020 (âm lịch), được số tiền là 4.000.000 đồng. Kể từ đó đến nay bà L không đóng được khoản tiền nào cho bà H. Đối với chân hui này bà L còn nợ nguyên đơn số tiền là 28.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Hui tràn mở ngày 26/5/2020 (âm lịch) và kết thúc chân hui này vào ngày 16/8/2020 (âm lịch), có 12 hui viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày, chân hui này bà L tham gia 30 chân hui, ngay ngày đầu tiên tham gia bà L hốt hui. Cụ thể bà L được hốt số tiền là 8.000 đồng/chân x 80 ngày = 640.000 đồng. Trong đó bà L tham gia 30 chân x 640.000 đồng =

19.200.000 đồng. Nhưng trong số tiền 19.200.000 đồng phải trừ tiền đầu thảo là 10.000 đồng/1 chân trong đó bà L tham 30 chân x 10.000 đồng = 300.000 đồng. Tiền bà L thực lãnh là 18.900.000 đồng và bà L phải đóng hội chết cho bà H một ngày là 300.000 đồng, đóng liên tục trong 80 ngày. Tức là 300.000 đồng/ngày x 80 ngày = 24.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L còn thiếu bà H của chân hội này là 24.000.000 đồng. Đối với chân hội này bà L không đóng hội chết cho bà H.

Lần thứ 4: Hội tràn mở ngày 19/6/2020 (âm lịch) và kết thúc chân hội này vào ngày 19/8/2020 (âm lịch) có 12 hội viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày, bà L tham gia 20 chân hội, ngay ngày đầu tiên tham gia là bà L hót hội. Cụ thể bà L đã hót được số tiền là: 8.000 đồng/chân x 80 ngày = 640.000 đồng. Trong đó bà L tham gia 20 chân x 640.000 đồng = 12.800.000 đồng. Nhưng trong số tiền 12.800.000 đồng phải trừ tiền đầu thảo (tiền cò) là 10.000 đồng/1 chân, bà L tham 20 chân x 10.000 đồng = 200.000 đồng. Tiền bà L thực lãnh là 12.600.000 đồng. Hót hội xong bà L phải đóng cho bà H một ngày là 200.000 đồng, đóng liên tục trong 80 ngày. Tức là 200.000 đồng/ngày x 80 ngày = 16.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L còn thiếu bà H của chân hội này là 16.000.000 đồng. Đối với chân hội nêu trên bà L không đóng hội chết được khoản tiền nào.

Lần thứ 5: Hội tràn mở ngày 19/7/2020 (âm lịch) và kết thúc chân hội này vào ngày 19/9/2020 (âm lịch) có 12 hội viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày, bà L tham gia 40 chân hội, ngay ngày đầu tiên tham gia bà L hót hội. Cụ thể bà L đã hót được số tiền là: 8.000 đồng/chân x 80 ngày = 640.000 đồng. Trong đó bà L tham gia 40 chân x 640.000 đồng = 25.600.000 đồng. Nhưng trong số tiền 25.600.000 đồng trừ tiền đầu thảo (tiền cò) là 10.000 đồng/1 chân trong đó bà L tham 40 chân x 10.000 đồng = 400.000 đồng, số tiền bà L thực lãnh là 25.200.000 đồng. Hót hội xong bà L phải đóng hội chết ngày 400.000 đồng, đóng liên tục trong 80 ngày. Tức là 400.000 đồng/ngày x 80 ngày = 32.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bà L còn thiếu bà H của chân hội này là 32.000.000 đồng. Đối với chân hội này bà L không đóng được khoản tiền nào

Hiện tại bà L còn thiếu bà H tiền hội tổng cộng là 119.500.000 đồng.

Ngoài ra, bị đơn L còn mượn tiền của nguyên đơn H cụ thể như sau:

Ngày 19 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) mượn số tiền là 20.000.000 đồng để phụ mua xe tải cho con của bà L. Ngày 20 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) bị đơn mượn số tiền là 20.000.000 đồng để đóng tiền học bằng lái xe. Ngày 24 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) bị đơn mượn số tiền 12.000.000 đồng để mua ruộng. Ngày 30 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) bị đơn mượn số tiền là 15.000.000 đồng để mua bảy công đất ruộng. Ngày 01 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) bị đơn mượn số tiền là 20.000.000 đồng để cho em T chuộc bằng khoán và ngày 01 tháng 7 năm 2020 (âm lịch) bị đơn mượn số tiền là 10.000.000 đồng để cho mẹ của bị đơn mua 12 công đất ở Tầm Vu và trang trải tiền làm bằng khoán, đi lại, xe cộ. Tổng cộng số

tiền mà bị đơn đã mượn của nguyên đơn là 97.000.000 đồng việc vay mượn không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận miệng.

Tiếp đó bị đơn L có mua chuối của nguyên đơn 45 nải chuối với số tiền tổng cộng là 378.000 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hội, tiền mượn và tiền mua chuối nhưng bị đơn không chịu trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn và đến ngày 20 tháng 12 năm 2020 bà L đã bỏ đi khỏi địa phương.

Tại phiên tòa nguyên đơn Trầm Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn là bà Bùi Mỹ L phải cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 216.878.000 đồng (trong đó tiền hội là 119.500.000 đồng, tiền mượn là 97.000.000 đồng và tiền mua hàng hóa (chuối) là 378.000 đồng).

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 24/02/2021 và Danh sách những người tham gia hội vào các ngày 25/6/2020, ngày 06/5/2020, ngày 26/5/2020, ngày 19/6/2020 và ngày 19/7/2020 âm lịch.

* Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn là bà Trầm Thị Thu H tại Thông báo thụ lý vụ án số: 56/TB-TLVA, ngày 21 tháng 5 năm 2021 và đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là bà Bùi Mỹ L, cũng như đã triệu tập hợp lệ bà L đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà. Nhưng bà L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà H và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà L cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Người làm chứng bà Hồ Thị N trình bày tại Biên bản lấy khai người làm chứng cụ thể như sau: Bà Trầm Thị Thu H là hàng xóm, còn bà Bùi Mỹ L, bà không quen biết và cũng không biết mặt bà L. Bà và bà H không có mâu thuẫn. Đối với số tiền và nội dung khởi kiện của bà H với bà L, bà không có hay biết hoặc chứng kiến. Trước đó, bà có nghe hàng xóm giới thiệu bà H là người thường xuyên đứng ra tổ chức các dây hội và bà bắt đầu tham gia chơi hội do bà H làm chủ hội vào ngày nào không nhớ, nhưng bắt đầu tham gia chơi hội từ tháng 4 năm 2020 (âm lịch). Khi tham gia chơi hội, chỉ cần gặp bà H và nói muốn tham gia chơi hội là bà H đồng ý. Hội do bà H tổ chức là hội trần (tức là khi bắt đầu tham gia là 10.000 đồng, được hót 8.000 đồng x 80 hội viên = 640.000 đồng x 5 chân = 3.200.000 đồng) Hót hội xong phải đóng tiền hội chết cho bà H một ngày là 50.000 đồng x 80 lần (tương đương 80 người) = 800.000 đồng x 5 chân = 4.000.000 đồng. Hiện tại các chân hội bà tham gia đã mãn hội,

mãn hội ngày tháng năm nào không nhớ. Mỗi lần đóng xong dây hội cũ đầy đủ, sẽ được bà H tiếp tục cho tham gia các chơi chân hội mới, mỗi lần tăng lên là 05 dây. Đối với các dây hội bà tham gia hiện tại đã hốt hội và đóng hội chết đầy đủ.

Khi tham gia chơi hội bà chỉ có biết bà H là chủ hội và bà là hội viên của bà H, còn ai tham gia bà không biết. Sổ sách bà H tự ghi, tự theo dõi bà không biết. Những lần đóng hội và hốt hội không có ký tên. Chỉ duy nhất lần thứ 4 hội 20 chân, bà H có kêu ký tên vào khoảng tháng 4 năm 2021 (âm lịch) lúc này cũng đang trong thời gian dịch bệnh Covid-19. Bà H có đưa danh sách đến nhà bà kêu ký tên bà có ký tên vào trong danh sách vì danh sách có tên bà. Ngoài ra bà không có chứng kiến hay biết nội dung nào khác liên quan đến bà H và bà L.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị Mỹ Th trình bày tại Biên bản lấy khai người làm chứng cụ thể như sau: Bà chỉ bắt đầu tham gia chơi hội do bà H làm chủ hội vào tháng 4 năm 2020 (âm lịch) hội ngày (còn gọi là hội tràn), một ngày 10.000 đồng/chân, có 80 chân hội, bà tham gia 50 chân, ngày bà đóng 500.000 đồng, khi bắt đầu tham gia chơi hội bà được hốt luôn. Hốt một chân hội tương đương số tiền là $630.000 \text{ đồng/chân} \times 50 \text{ chân} = 31.500.000 \text{ đồng}$, sau khi hốt hội tiếp tục đóng hội chết là 500.000 đồng/1 ngày đóng hội liên tiếp đúng trong 80 ngày, ngày nào cũng phải đóng. Khi hốt hội bà đến nhà bà H kêu muốn tham gia hội, bà H cho hốt ngay trong ngày xin tham gia chơi hội. Khi đóng hội chết thì bà trực tiếp ra đóng cho bà Hà hoặc bà H vào nhà thu. Khi tham gia chơi hội và đóng hội chết không có làm giấy tờ. Các lần tham gia chân hội do bà H làm chủ nêu trên bà đều hốt và đóng hội chết đầy đủ. Năm danh sách (bản phô tô) bà H mới đưa lại cho gia đình bà khoảng 02 tháng nay, bà có nghe người nhà nói lại do bà H kêu đã tham gia chơi hội và đã đóng hội đầy đủ thì ký tên vào danh sách. Bà có ký tên và được bà H đưa lại 05 tờ giấy phô tô. Còn nội dung của 05 tờ giấy bà không có đọc vì chữ nghĩa không dành.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Trầm Thị Thu Hà thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn Bùi Mỹ L và những người làm chứng là Trần Thị Mỹ L, Trần Văn C, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Thu C, Nguyễn Vũ Ph, Trần Thanh G, Trần Văn U, Hồ Thị N, Triệu Thị M, Thạch Thị Pha L và Nguyễn Thị Mỹ Th đều không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn H, về việc yêu cầu bị đơn là bà Bùi Mỹ L phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ của 05 dây (hay còn gọi là chân) hui là 119.500.000 đồng, tiền mượn là 97.000.000 đồng và tiền mua hàng hóa (chuối) là 378.000 đồng, tổng cộng tiền vay, tiền nợ hui và tiền mua bán hàng hóa là 216.878.000 đồng. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như danh sách những người tham gia hui vào các ngày 25/4/2020 (âm lịch); ngày 06/5/2020 (âm lịch); ngày 26/5/2020 (âm lịch) ngày 19/6/2020 (âm lịch) và ngày 19/7/2020 (âm lịch) đều có họ và tên của 12 người nhưng không có danh sách nào có chữ ký của bị đơn, nội dung của danh sách những người tham gia hui mà nguyên đơn đã cung cấp, không đủ căn cứ chứng minh được bị đơn L đã vay tiền, tham gia 05 dây hui và mua bán hàng hóa cụ thể là 45 nải chuối do nguyên đơn làm chủ. Ngoài các chứng cứ nêu trên thì nguyên đơn không cung cấp được biên nhận hay văn bản thỏa thuận việc bị đơn có tham gia các dây hui do nguyên đơn làm chủ hui và số tiền cũng như việc mua bán chuối. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trầm Thị Thu H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, bị đơn Bùi Mỹ L và những người làm chứng là bà Trần Thị Mỹ L, ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Thu C, ông Nguyễn Vũ Ph, ông Trần Thanh Gi, ông Trần Văn U, bà Hồ Thị N, bà Triệu Thị M, bà Thạch Thị Pha L và bà Nguyễn Thị Mỹ Th đều vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người làm chứng nêu trên theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Bùi Mỹ L có địa chỉ tại số A ấp A1, xã A2, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là bà Trầm Thị Thu H yêu cầu bị đơn là Bùi Mỹ L phải trả số tiền tổng cộng là 216.878.000 đồng (trong đó tiền mượn là 97.000.000 đồng và tiền 05 dây hui còn nợ lại là 119.500.000 đồng và tiền mua bán hàng hóa là 378.000 đồng). Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh

chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hội và tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa theo Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[5] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trầm Thị Thu H yêu cầu bị đơn là bà Bùi Mỹ L phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn đã mượn là 97.000.000 đồng và số tiền bị đơn còn nợ lại khi tham gia các dây hội cụ thể:

[5.1] Dây thứ nhất: Hội trần mở ngày 25 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) và kết thúc chân hội này vào ngày 15 tháng 7 năm 2020 (âm lịch) (tức là 80 ngày), có 12 hội viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày. Đối với dây hội này hiện tại bà L còn nợ nguyên đơn số tiền là 19.500.000 đồng.

[5.2] Dây hội thứ 2: Hội trần mở ngày 06 tháng 5 năm 2020 (âm lịch) và kết thúc dây hội này vào ngày 15 tháng 7 năm 2020 (âm lịch), có 12 hội viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày. Đối với chân hội này bà L còn nợ nguyên đơn số tiền là 28.000.000 đồng.

[5.3] Dây hội thứ 3: Hội trần mở ngày 26 tháng 5 năm 2020 (âm lịch) và kết thúc dây hội vào ngày 16 tháng 8 năm 2020 (âm lịch), có 12 hội viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày. Đối với chân hội này hiện tại bà L còn nợ nguyên đơn số tiền là 24.000.000 đồng.

[5.4] Dây hội lần 4: Hội trần mở ngày 19 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) và kết thúc chân hội vào ngày 19 tháng 8 năm 2020 (âm lịch) có 12 hội viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày. Đối với chân hội này hiện tại bà L còn nợ nguyên đơn số tiền là 16.000.000 đồng.

[5.5] Dây hội thứ 5: Hội trần mở ngày 19 tháng 7 năm 2020 (âm lịch) và kết thúc chân hội vào ngày 19 tháng 9 năm 2020 (âm lịch) có 12 hội viên tham gia, ngày 10.000 đồng/chân, đóng trong vòng 80 ngày. Đối với dây hội này bà L còn thiếu nguyên đơn số tiền là 32.000.000 đồng. Tổng số tiền nợ hội của các dây hội nêu trên mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn L phải trả là 119.500.000 đồng.

[5.6] Đối với số tiền mượn mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cụ thể ngày 19 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) mượn số tiền là 20.000.000 đồng, ngày 20 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) mượn số tiền là 20.000.000 đồng, ngày 24 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) mượn số tiền là 12.000.000 đồng, ngày 30 tháng 4 năm 2020 (âm lịch) mượn số tiền là 15.000.000 đồng, ngày 01 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) mượn số tiền là 20.000.000 đồng, ngày 01 tháng 7 năm 2020 (âm lịch) mượn số tiền là 10.000.000 đồng, Tổng cộng số tiền đã mượn là 97.000.000 đồng cũng như việc nguyên đơn cho rằng bị đơn đã mua của nguyên đơn 45 nải chuối có giá là 378.000 đồng. Ngoài lời trình bày nêu trên nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ hay văn bản nào thể hiện việc bị đơn L có mượn tiền, có tham gia các dây hội và mua bán hàng hóa do nguyên đơn H làm chủ.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn H trình bày tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn chỉ có là 05 tờ giấy có tiêu đề là Danh sách những người tham gia hội vào các ngày 25 tháng 4 năm 2020 (âm lịch); ngày 06 tháng 5 năm 2020 (âm

lịch); ngày 26 tháng 5 năm 2020 (âm lịch) ngày 19 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) và ngày 19 tháng 7 năm 2020 (âm lịch) đều có họ và tên của 12 người, nhưng không có danh sách nào có chữ ký của bị đơn L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đều thừa nhận danh sách những người tham gia hội nêu trên là sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và có Công văn yêu cầu bà cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc mở các chân hội, cho bị đơn mượn tiền và mua bán 45 nải chuối nêu trên thì bà mới bắt đầu đánh danh sách và nhờ các hội viên đã tham gia chơi hội ký tên để bà cung cấp cho Tòa án. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu Tòa án triệu tập lấy khai người làm chứng là bà Trần Thị Mỹ L, ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Thu C, ông Nguyễn Vũ Ph, ông Trần Thanh Gi, ông Trần Văn U, bà Hồ Thị N, bà Triệu Thị M, bà Thạch Thị Pha L và bà Nguyễn Thị Mỹ Th, nhưng chỉ có người làm chứng là Nguyễn Thị Mỹ Th và Hồ Thị N đến và được Tòa án ghi lời khai tại biên bản lấy khai của người làm chứng các bà đều trình bày: Việc bà H cho bà L vay tiền hay tham gia các chân hội bà không có chứng kiến nhưng bà có tham gia các chân hội do bà H làm chủ hội vào tháng 4 năm 2020, danh sách những người tham gia chơi hội thì hai bà được bà H mang đến tận nhà và yêu cầu được ký bổ sung, thời gian ký danh sách này thì hội đã mãn lâu rồi.

Theo tình tiết tại [5] và [6] cũng như sự thừa nhận tại phiên tòa của nguyên đơn là bà H đều thừa nhận việc vay nhận tiền và tham gia các dây hội do nguyên đơn làm chủ không có làm giấy tờ hay văn bản thỏa thuận nào giữa các bên mà nguyên đơn chỉ có sách những người tham gia hội vào các ngày 25 tháng 4 năm 2020 (âm lịch); ngày 06 tháng 5 năm 2020 (âm lịch); ngày 26 tháng 5 năm 2020 (âm lịch) ngày 19 tháng 6 năm 2020 (âm lịch) và ngày 19 tháng 7 năm 2020 (âm lịch) đã cung cấp cho Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*” và cũng theo quy định tại Khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận*”. Như đã phân tích nêu trên tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn chỉ là 05 tờ giấy có tiêu đề là danh sách những người tham gia hội vào các ngày 25/4/2020 (âm lịch); ngày 06/5/2020 (âm lịch); ngày 26/5/2020 (âm lịch) ngày 19/6/2020 (âm lịch) và ngày 19/7/2020 (âm lịch) nhưng nguyên đơn lại không chứng minh được danh sách những hội viên này có sự thừa nhận nợ của bị đơn cũng như các tài liệu chứng cứ khác chứng minh được bị đơn có nợ tiền vốn đã mượn và nợ tiền của 05 dây hội nêu trên. Như đã phân tích ở trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trầm Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn Bùi Mỹ L phải thanh toán một lần số tiền vốn vay,

tiền hui và tiền mua bán hàng hóa tổng cộng là 216.878.000 đồng (trong đó số tiền còn nợ của 05 dây hui là 119.500.000 đồng, tiền mượn là 97.000.000 đồng và tiền mua hàng hóa (chuối) là 378.000 đồng).

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, bà H thuộc diện người cao tuổi được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 94, Khoản 1 Điều 95, Điều 96, Điều 97, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trầm Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn Bùi Mỹ L phải thanh toán số tiền vốn đã mượn là 97.000.000 đồng và tiền hui là 119.500.000 đồng, tiền mua bán hàng hóa là 378.000 đồng, tổng cộng tiền vốn đã mượn, tiền hui và tiền mua bán hàng hóa là 216.878.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Trầm Thị Thu H thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Huệ

Nghị án kết thúc vào hồigiờphút, ngàytháng..... năm 2022

Biên bản nghị án đã được đọc cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Huệ

